

DANH SÁCH HỌC PHÍ - HK2/2019-2020

CT LK ĐÀO TẠO CN KH NGÀNH CNTT VỚI TRƯỜNG ĐH CLAUDE BERNARD LYON I, CH PHÁP
KHÓA 17

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	HỌC PHÍ HK	HP HL	TỔNG HP	GIẢM 7%	TỔNG HP SAU GIẢM
1	1752001	Lưu Phạm Mạnh Hà	9,000,000	-	9,000,000	630,000	8,370,000
2	1752004	Vòng Khải My	9,000,000	-	9,000,000	630,000	8,370,000
3	1752005	Trương Trần Quốc An	9,000,000	-	9,000,000	630,000	8,370,000
4	1752006	Nguyễn Thị Mỹ Anh	9,000,000	-	9,000,000	630,000	8,370,000
5	1752007	Đinh Nguyễn Quốc Bảo	9,000,000	-	9,000,000	630,000	8,370,000
6	1752008	Đinh Vương Bảo	9,000,000	-	9,000,000	630,000	8,370,000
7	1752009	Nguyễn Gia Bình	9,000,000	-	9,000,000	630,000	8,370,000
8	1752011	Nguyễn Minh Cường	9,000,000	-	9,000,000	630,000	8,370,000
9	1752017	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	9,000,000	1,800,000	10,800,000	756,000	10,044,000
10	1752018	Hồ Nhật Huy	9,000,000	1,800,000	10,800,000	756,000	10,044,000
11	1752019	Lê Tôn Huy	9,000,000	-	9,000,000	630,000	8,370,000
12	1752022	Phan Thanh Khiết	9,000,000	-	9,000,000	630,000	8,370,000
13	1752024	Nguyễn Anh Khôi	9,000,000	-	9,000,000	630,000	8,370,000
14	1752025	Phạm Xuân Lâm	9,000,000	-	9,000,000	630,000	8,370,000
15	1752026	Trần Huỳnh Liêm	9,000,000	1,800,000	10,800,000	756,000	10,044,000
16	1752028	Nguyễn Hoàng Long	9,000,000	-	9,000,000	630,000	8,370,000
17	1752029	Chu Quốc Minh	9,000,000	1,800,000	10,800,000	756,000	10,044,000
18	1752031	Triệu Quang Minh	9,000,000	-	9,000,000	630,000	8,370,000
19	1752032	Võ Bình Minh	9,000,000	-	9,000,000	630,000	8,370,000
20	1752035	Trần Huy Nam	9,000,000	-	9,000,000	630,000	8,370,000
21	1752038	Nguyễn Minh Nguyệt	9,000,000	-	9,000,000	630,000	8,370,000
22	1752039	Mai Trọng Nhân	9,000,000	-	9,000,000	630,000	8,370,000
23	1752040	Nguyễn Hữu Nhật	9,000,000	1,800,000	10,800,000	756,000	10,044,000
24	1752042	Lê Mỹ Phương	9,000,000	1,800,000	10,800,000	756,000	10,044,000
25	1752043	Trần Thành Tấn	9,000,000	-	9,000,000	630,000	8,370,000
26	1752046	Lương Trọng Tín	9,000,000	1,800,000	10,800,000	756,000	10,044,000
27	1752047	Lư Mạnh Toàn	9,000,000	-	9,000,000	630,000	8,370,000
28	1752048	Nguyễn Thị Thủy Trang	9,000,000	-	9,000,000	630,000	8,370,000
29	1752050	Trần Minh Trí	9,000,000	-	9,000,000	630,000	8,370,000
30	1752051	Trương Thanh Trúc	9,000,000	-	9,000,000	630,000	8,370,000
31	1752052	Đặng Hữu Phước Vinh	9,000,000	-	9,000,000	630,000	8,370,000
32	1752053	Lê Diệp Hoàng Yến	9,000,000	-	9,000,000	630,000	8,370,000

Ngày tháng năm 2020

Người lập bảng

Bùi Thị Kim Ngân